

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 27/03/ 2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Dung

Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27/03/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 83/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Ngân hàng VPBank); địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức danh: Chủ tịch HĐQT; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức danh: PGĐ Trung tâm xử lý nợ pháp lý (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ – HĐQT ngày 07/7/2020); người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành H; địa chỉ: Tầng 7 Tòa nhà Việt Hải – 78 Dịch Vọng Hậu, quận C, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền số 37623/2022/UQ – VPB ngày 01/10/2022). “Có mặt”.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1972; bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1973; cùng trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện G, TP Hà Nội. “Ông H, bà X vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1997; HKTT: Thôn Y, xã Y, huyện G, TP Hà Nội. “Vắng mặt”;

2. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1999; HKTT: Thôn Y, xã Y, huyện G, TP Hà Nội. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị X (gọi là bên vay) vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (gọi là bên cho vay) theo 02 hợp đồng tín dụng và một hợp đồng thẻ tín dụng, với tổng số tiền 210.000.000đồng.

Hợp đồng tín dụng số LN 1909171688889 ngày 19/9/2019; Số tiền cho vay: 150.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Lãi suất và kỳ điều chỉnh: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 8,9%/năm; Trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày 26/9/2019. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ 1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/7, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/12/2019, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/01/2020. Mức điều chỉnh bằng: Lãi suất cơ sở VNĐ kỳ hạn 60 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8,9%/ năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Mục đích: Vay bổ sung vốn kinh doanh Café nước giải khát. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã trả được cho Ngân hàng là 72.856.767 đồng, trong đó gốc là 50.202.652 đồng, lãi 20.654.115 đồng, còn lại gốc 99.797.348 đồng, lãi trong hạn là 2.693.218 đồng, lãi quá hạn 33.951.124 đồng, phạt chậm trả lãi là 3.683.225 đồng. Tổng lãi là: 40.327.567 đồng. Tổng gốc + lãi là 140.124.915 đồng. Số liệu tính đến ngày xét xử sơ thẩm;

Hợp đồng số CN/VN 0010241/202005/14 ngày 14/5/2020; Số tiền cho vay: 52.000.000 đồng; Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Lãi suất và kỳ điều chỉnh: Lãi suất theo quy định của VPBank qua từng thời kỳ (19%/năm); Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã trả được cho Ngân hàng là 24.827.053 đồng, trong đó gốc là 15.539.822 đồng, lãi 9.287.231 đồng, còn lại gốc 36.460.178 đồng, lãi trong hạn là 371.178 đồng, lãi quá hạn 17.809.278đồng, phạt chậm trả lãi là 2.044.394 đồng. Tổng lãi là: 20.224.850 đồng. Tổng gốc + lãi là 56.685.028 đồng. Số liệu tính đến ngày xét xử sơ thẩm;

Hợp đồng thẻ tín dụng số 241 – P – 437604; Hạn mức: 7.000.000 đồng; Loại thẻ: 112 – MC2 Credit Orange; Mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do VP Bank quy định qua từng thời kỳ (3,94%); Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn nợ gốc: 6. 511.009 đồng; lãi 8.026.342 đồng. Tổng cộng là 14.537.351 đồng.

Tài sản bảo đảm của các khoản vay: Toàn bộ quyền sử dụng 64,2 m2 đất; tại thửa đất số 36; tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện G, TP Hà Nội; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 885175, 0554. Số QĐ: 627/QĐ – UB MS: 5290483 do UBND huyện G cấp ngày 08/8/2005 đứng tên ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị X, theo hợp đồng thế chấp công chứng 3705/2019 ngày 19/9/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi; địa chỉ tại số 106 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận C, TP Hà Nội.

Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị X phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với VPBank, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 27/3/2023 là: 211.347.294 đồng.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng, thẻ tín dụng cho đến ngày ông Nguyễn Đình Huy và bà Nguyễn Thị Xoan thực tế thanh toán hết khoản nợ cho VPBank trên số nợ gốc của 03 khoản vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, VPBank có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho VPBank là: Toàn bộ quyền sử dụng 64.2m2 đất; tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Thôn Yên Thường, xã Yên Thường, huyện G, TP Hà Nội; diện tích:

VPBank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình Huy và bà Nguyễn Thị Xoan để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo bản án của Tòa án cho đến khi ông Nguyễn Đình Huy và bà Nguyễn Thị Xoan xóa hết nghĩa vụ với VPBank.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H trình bày: Vợ chồng ông có vay của Ngân hàng 3 khoản: Hợp đồng tín dụng số LN 1909171688889 ngày 19/9/2019; Số tiền cho vay: 150.000.000 đồng; Hợp đồng số CN/VN 0010241/202005/14 ngày 14/5/2020; Số tiền cho vay: 52.000.000 đồng; Hợp đồng thẻ tín dụng số 241 – P – 437604; Hạn mức: 7.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, nhận đầy đủ số tiền vay của Ngân hàng. Trong quá trình

trả nợ vợ chồng ông vì phạm nghĩa vụ trả nợ từ 9/2021. Ông H thừa nhận tính đến ngày 01/10/2022 còn nợ số tiền gốc 136.257. 526 đồng, nợ lãi 37.854.809 đồng; nợ thế 11.950.000 đồng; tổng cộng 186.062.335 đồng. Để bảo đảm các khoản vay vợ chồng ông thế chấp 64.2m² đất; tại thửa đất 36, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện G, TP Hà Nội; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 885175, 0554. Số QĐ: 627/QĐ – UB MS: 5290483 ngày 08/8/2005. Ngày 13/05/2011 vợ chồng tách thửa đất số 36 để chuyển quyền sử dụng đất 72.8m² đất ở cho bà Lê Thị Thu H, diện tích còn lại là 64.2m² (tổng cả thửa đất 137m²). Hiện nay ông không có khả năng trả nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị Hương L, anh Nguyễn Đình H không có văn bản gửi Tòa án đề trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tại phiên tòa: Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành; về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, về án phí bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Y, G, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa lần hai bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa Ngân hàng và bên vay ký 03 Hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số LN 1909171688889 ngày 19/9/2019; Số tiền cho vay: 150.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Lãi suất và kỳ điều chỉnh: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 8,9%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã trả được cho Ngân hàng là 72.856.767 đồng, trong đó gốc là 50.202.652 đồng, lãi 20.654.115 đồng, còn lại gốc 99.797.348 đồng, lãi trong hạn là 2.693.218 đồng, lãi quá hạn 33.951.124 đồng, phạt chậm trả lãi là 3.683.225 đồng. Tổng lãi là: 40.327.567 đồng. Tổng gốc + lãi là 140.124.915 đồng. Số liệu tính đến ngày xét xử sơ thẩm;

Hợp đồng số CN/VN 0010241/202005/14 ngày 14/5/2020; Số tiền cho vay: 52.000.000 đồng; Lãi suất (19%/năm); Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã trả được cho Ngân hàng là 24.827.053 đồng, trong đó gốc là 15.539.822 đồng, lãi 9.287.231 đồng, còn lại gốc 36.460.178 đồng, lãi trong hạn là 371.178 đồng, lãi quá hạn 17.809.278 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.044.394 đồng. Tổng lãi là: 20.224.850 đồng. Tổng gốc + lãi là 56.685.028 đồng. Số liệu tính đến ngày xét xử sơ thẩm;

Hợp đồng thẻ tín dụng số 241 – P – 437604; Hạn mức: 7.000.000 đồng; Loại thẻ: 112 – MC2 Credit Orange; Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn nợ gốc: 6.511.009 đồng; lãi 8.026.342 đồng. Tổng cộng là 14.537.351 đồng.

Các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên đúng thẩm quyền, tự nguyện, nội dung phù hợp quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật đối với các bên.

Căn cứ vào bảng tính lãi và các tài liệu, chứng cứ khác thì tính đến ngày tuyên án sơ thẩm bên vay còn phải trả cho Ngân hàng: 211.347.294 của cả 03 khoản vay nêu trên. Việc tính lãi suất trong hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật, căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 thì Ngân hàng yêu cầu bên vay phải trả gốc và lãi suất là có căn cứ pháp luật.

Đối với hai khoản vay sau chỉ một mình bà Nguyễn Thị X ký, nhưng vì mục đích gia đình nên cả hai vợ chồng ông đều có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp pháp luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng 64,2m² đất; tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 03; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 885175, 0554. Số QĐ: 627/QĐ – UB MS: 5290483 do UBND huyện G cấp ngày 08/8/2005 đứng tên ông Nguyễn Đình H và bà

Nguyễn Thị X, theo hợp đồng thế chấp công chứng 3705/2019 ngày 19/9/2019 tại văn phòng Nguyễn Khôi; địa chỉ tại số 106 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Quận C, Hà Nội. Đăng ký thế chấp ngày 19/9/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện G. Trong hợp đồng thế chấp có quy định tài sản thế chấp bảo đảm cho các khoản vay sau khi ký văn kiện tín dụng giữa Ngân hàng với bên vay nên có hiệu lực đối với cả 03 hợp đồng tín dụng.

Về thủ tục thế chấp tài sản bảo đảm đúng quy định của pháp luật nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu về việc tiếp tục tính lãi suất quá hạn trên số nợ gốc của các hợp đồng; yêu cầu bên vay phải dùng tài sản khác để trả nợ nếu tài sản thế chấp không đủ thanh toán. Xét các bên đã có thỏa thuận này trong hợp đồng và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các điều 117, 119, 298, 317, 318, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank).

1. Buộc ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị X phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tính đến ngày tuyên án sơ thẩm 27/3/2023 là: 211.347.294 đồng.

2. Kể từ ngày 28/3/2023 ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị X phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong từng hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về

việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, VPBank có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện G xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho VPBank là: Toàn bộ quyền sử dụng 64,2m² đất tại thửa đất số 36; tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện G, TP Hà Nội; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 885175, 0554. Số QĐ: 627/QĐ – UB MS: 5290483 do UBND huyện G cấp ngày 08/8/2005 đứng tên ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị X, theo hợp đồng thế chấp công chứng 3705/2019 ngày 19/9/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi; địa chỉ tại số 106 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận C, TP Hà Nội.

VPBank được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện G áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị X để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo bản án, nếu tài sản thế chấp không đủ thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị X phải chịu 10.567.364 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng 4.651.558 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 00073555 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND TP. Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Quang

